

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 537/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tác

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 226/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Lâm Thị Ngọc N, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0328.960.867;

2. Bị đơn: ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: tổ B, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0393.282.774

(bà Nguyễn x vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải nguyên đơn bà **Lâm Thị Ngọc N** trình bày:

Bà và ông **Nguyễn Phi H** trước đây do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang** theo giấy chứng nhận kết hôn số 181/2008, quyển số 01 ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Sau khi cưới sống chung với gia đình ông **H** cho đến nay, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông **H** hay uống rượu say xỉn, không chăm lo, phụ tiếp kinh tế cho gia đình, bà và ông **H** thường xuyên cãi nhau, nhiều lần ông **H** có hành vi bạo lực đánh bà, nên từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay, thời gian ly thân bà và ông **H** không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm mà mỗi người có cuộc sống riêng, ông **H** thì tiếp tục ở căn nhà của vợ chồng một mình, bà và con chung ở nhờ nhà nội của ông **H** để buôn bán gần đó. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Phi H**.

Về con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Bảo N1**, sinh năm 1999 đã thành niên, lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết và **Nguyễn Thị Ngọc Ý**, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay đang sống với bà. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Thị Ngọc Ý**, bà không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông **Nguyễn Phi H** vắng mặt không lý do từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông **H** vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, ông cũng được tổng đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, bà **N** có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông **H** và bà **Nguyễn t** Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: hôn nhân của ông, bà do mai mối, gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc bên gia đình ông **H**, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông **H** hay uống rượu say xỉn, không chăm lo cho gia đình, không phụ tiếp làm kinh tế để đảm bảo cuộc sống, ông bà thường xuyên cãi nhau ông **H** có hành vi bạo lực đánh bà **N**, nên từ đó vợ chồng ly thân từ tháng

4/2023 cho đến nay, thời gian ly thân hai người không liên lạc để hàn gắn tình cảm mà mỗi người có một cuộc sống riêng, ông **H** sống trong căn nhà của vợ chồng tạo lập, còn bà **N** và con ở nhờ nhà của ông, bà ông **H** để buôn bán kiếm sống, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà **N** yêu cầu ly hôn với ông **H** là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của con chung Nguyễn Thị Ngọc Ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Bảo N1**, sinh năm 1999 đã thành niên, lập gia đình ở riêng nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Thị Ngọc Ý, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay sống chung với bà **N**. Nay ly hôn bà **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ý, bà **N** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng cho con. Nhận thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, hiện 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc Ý sống với bà **N** cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, nguyện vọng của cháu ý muốn sống với bà **N**, do đó đề nghị hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Ý cho bà **N** tiếp tục nuôi dưỡng, ông **H** không phải cấp dưỡng cho con như ý kiến của bà **N** cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết
Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà **Lâm Thị Ngọc N** yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, bà có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, bị đơn ông **Nguyễn Phi H** được tổng đạt triệu tập lần thứ hai để nghe xét xử nhưng ông không có mặt, việc vắng mặt của ông, bà không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay ông **H** cư trú tại **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** (theo kết quả xác minh của **Công an nhân dân xã P** ngày 15/7/2024) nên bà **Nguyễn khởi k** xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: bà **Nguyễn x** ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của ông, bà do mai mối, gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang**. Thời gian đầu chung sống

hạnh phúc bên gia đình ông **H**, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông **H** hay uống rượu say xỉn, không chăm lo cho gia đình, không phụ tiếp làm kinh tế để đảm bảo cuộc sống, ông bà thường xuyên cãi nhau ông **H** có hành vi bạo lực đánh bà **N**, nên từ đó vợ chồng ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay, thời gian ly thân hai người không liên lạc để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, ông **H** sống trong căn nhà của vợ chồng tạo lập, còn bà **N** và con ở nhờ nhà của ông, bà ông **H** để buôn bán kiếm sống, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà **N** yêu cầu ly hôn với ông **H** là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của con chung Nguyễn Thị Ngọc Ý, do đó để ông, bà có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **N** theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Bảo N1**, sinh năm 1999 đã thành niên, lập gia đình riêng sống riêng nên không cần đặt ra giải quyết, cháu Nguyễn Thị Ngọc Ý, sinh ngày 20/6/2007, hiện nay sống chung với bà **N**. Nay ly hôn bà **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ý, bà **N** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng cho con. Nhận thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, hiện 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc Ý sống với bà **N** cũng được nuôi dưỡng chăm sóc đảm bảo, nguyện vọng của cháu ý sống với bà **N**, do đó hội đồng xét xử giao cháu Ý cho bà **N** tiếp tục nuôi dưỡng, ông **H** không phải cấp dưỡng cho con như ý kiến của bà **N** cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

[3] Về án phí: bà **Lâm Thị Ngọc N** là người xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà **Lâm Thị Ngọc N** đối với ông **Nguyễn Phi H**.
- Về hôn nhân: bà **Lâm Thị Ngọc N** được ly hôn với ông **Nguyễn Phi H**.

- Về con chung: giao 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Thị Ngọc Ý, sinh ngày 20/6/2007 cho bà **Lâm Thị Ngọc N** tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, ông **Nguyễn Phi H** không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà **Lâm Thị Ngọc N** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006674 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông **Nguyễn Phi H** không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn T – V

Bùi Văn C

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- UBND xã Phú Thạnh
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Chiến**